**Tiết 99,100**  Văn bản 1:NỖI NHỚ THƯƠNG CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ

 Nguyên tác chữ Hán: Đặng Trần Côn

 Bản diễn Nôm: Phan Huy Ích

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định
chủ đề.

- Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ VB để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

**2*.* Phẩm chất:** Thấu hiểu và đồng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị:** : Máy vi tính, máy chiếu đa năng, SGK,...

**2. Học liệu**: Một số tranh ảnh có có liên quan đến tác phẩm *Chinh phụ ngâm*, tranh ảnh do GV chuẩn bị có liên quan đến nội dung chủ điểm (dùng cho hoạt động mở đầu) hoặc nội dung các VB đọc.

    + Phiếu học tập: bảng tóm tắt thi luật thơ song thất lục bát và lưu ý về cách đọc; phiếu hướng dẫn đọc VB

**III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm dự kiến** |
| KHỞI ĐỘNG  |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** Tham gia trò chơi **“Đoán ý đồng đội”**\* GV mời 02 cặp đôi lên tham gia trò chơi:- Mỗi cặp sẽ được phát 01 gói từ gồm 03 từ miêu tả những cung bậc tâm trạng của con người. - 01 HS sẽ diễn tả từ khóa bằng nét mặt, cử chỉ để đồng đội của mình đoán đúng từ khóa trong gói từ.Thời gian tối đa cho mỗi cặp là: 02 phút.- Cặp đôi nào trả lời đúng nhiều đáp án hơn sẽ giành phần thắng. Nếu hai đội cùng trả lời bằng nhau số đáp án đúng thì đội nào trả lời hết gói từ khóa trong thời gian ngắn hơn sẽ giành phần thắng.\* Gói từ của GV:

|  |  |
| --- | --- |
| Gói từ thứ nhất | Gói từ thứ hai |
| - Hạnh phúc- Băn khoăn- Thất vọng | - Buồn bã- Nghi ngờ- Ngại ngùng |

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**- HS tham gia trò chơi theo cặp đôi.- GV quan sát, khích lệ**Bước 3: Báo cáo, thảo luận** **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** **GV giới thiệu bài mới**: Theo em, vì sao cần chia sẻ tình cảm của mình với người khác và thấu hiểu cảm xúc của họ?HS chia sẻ: GV dẫn vào bài: Các em biết không, trong cuộc sống, nhu cầu chia sẻ với người khác những cảm xúc của mình với người khác và mong muốn tìm được sự đồng cảm thấu hiểu là điều cần thiết.Trong hoàn cảnh chia ly, đau khổ, cung bậc cảm xúc được giãy bày vào trang thơ, ấy là lúc tấm lòng đồng cảm, yêu thương con người của nhà thơ được bộc lộ thấm thía. Tìm hiểu về những cung bậc cảm xúc của con người trong thơ sẽ mang lại cho chúng ta nhiều xúc cảm yêu thương, nhân ái, ...Vậy, đến với Bài 8, cô và các em sẽ hòa lòng mình vào n**hững cung bậc cảm xúc** của con người trong những cảnh ngộ khác nhau qua thể thơ song thất lục bát. Cung bậc đầu tiên là “*Nỗi nhớ thương của người chinh phụ*” (trích *Chinh phụ ngâm)!*  |  |

|  |
| --- |
| **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** |
| **PHIẾU HT số 01: TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |
| --- |
| **Yêu cầu:** Dựa vào phần Tri thức ngữ văn, em hãy giới thiệu đặc điểm của thể thơ song thất lục bát: |
| Số tiếng/ số khổ thơ | ........................ |
| Vần | ...................... |
| Nhịp | ........................... |
| Thanh điệu | ........................... |
| Thành tựu | ............................ |

 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NV: Tìm hiểu Tri thức ngữ văn** HÌNH THỨC NHÓM BÀNBước 1: Chuyển giao nhiệm vụ\*GV yêu cầu HS theo dõi SGK tr.64, 65, đọc thầm phần *Tri thức ngữ văn* Hình thức: nhóm nhỏ theo bàn hoàn thành **phiếu học tập 01**GV chiếu phiếu học tập 01HS đọc phiếu, suy nghĩ và thực hiện phiếu học tập số 01Yêu cầu HS thực hiệnTừ đó, Gv yêu cầu HS so sánh sự khác biệt giữa thể thơ lục bát (đã học ở lớp dưới) với thể thơ song thất lục bát.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS tái hiện lại kiến thức vào Phiếu HT, chia sẻ. - GV quan sát, hỗ trợ.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận****-** Đại diện 3 – 4 nhóm HS trình bày kết quả thực hiện theo từng nhiệm vụ. - Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định**GV nhận xét sản phẩm học tập của HS, kết hợp với diễn giải ngắn gọn một số nội dung về từng đơn vị tri thức đọc hiểu | **I. TRI THỨC NGỮ VĂN: THƠ SONG THẤT LỤC BÁT**

|  |  |
| --- | --- |
| Số tiếng/ số khổ | gồm cặp song thất (bảy tiếng) và cặp lục bát (sáu - tám tiếng) luân phiên kế tiếp nhau trong toàn bài. |
| Vần | Các tiếng được hiệp vần với nhau:+ Tiếng cuối của dòng thất đầu tiên hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất tiếp theo (vần trắc). + Tiếng cuối của dòng thất tiếp theo hiệp vần với tiếng cuối của dòng lục (vần bằng). + Tiếng cuối của dòng lục hiệp vần với tiếng thứ sáu của dòng bát (vần bằng). + Tiếng cuối của dòng bát hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất kế đó (vần bằng) và cứ thế tiếp tục. |
| Nhịp | - Hai dòng thất được ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4; - Dòng lục và dòng bát ngắt nhịp linh hoạt hơn (dòng lục thường ngắt nhịp 2/2/2, dòng bát thường ngắt nhịp 2/2/2/2). |
| Thanh điệu | Cặp song thất lấy tiếng ở vị trí thứ ba làm chuẩn, có thể có thanh bằng hoặc thanh trắc nhưng không bắt buộc. Cặp lục bát thì sự đối xứng bằng - trắc chặt chẽ hơn (giống như thơ lục bát) |
| Thành tựu | gắn liền với thể ngâm khúc, tiêu biểu như: *Chinh phụ ngâm* (nguyên tác chữ Hán của Đặng Trần Côn, bản diễn Nôm của Phan Huy Ích), *Cung oán ngâm* (Nguyễn Gia Thiều), *Tự tình khúc* (Cao Bá Nhạ),.... |

 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NV1:Tìm hiểu về tác giả, dịch giả và tác phẩm****Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**- **Nhóm 1 + nhóm 2**: Tìm hiểu về *tác giả* và *dịch giả*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Quê hương | Thời đại | Đóng góp VH |
| Tác giả |  |  |  |
| Dịch giả |  |  |  |

*-* **Nhóm 3, nhóm 4**: Tìm hiểu những nét chung về tác phẩm *Chinh phụ ngâm*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tác phẩm *Chinh phụ ngâm* | Hoàn cảnh ra đời...... | Thể loại, thể thơ........... |

(GV có thể giao nhiệm vụ cho các nhóm chuẩn bị sản phẩm trước tiết học).**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận nhóm theo nhiệm vụ được phân công.- HS có thể trình bày sản phẩm trên giấy A0, hoặc thuyết trình qua Powerpoint.**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**- Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm.- Các HS khác nhận xét. **Bước 4. Đánh giá, kết luận** | **II. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** **1. Tác giả Đặng Trần Côn****-** Đặng Trần Côn (?- ?), quê ở Nhân Mục – quận Thanh Xuân – Hà Nội* Sống vào khoảng đầu thế kỉ XVIII
* Ngoài “*Chinh phụ ngâm*”, ông còn làm thơ chữ Hán và viết một số bài phú.

- Tác phẩm của ông thường chú trọng thể hiện những tình cảm riêng tư, những nỗi niềm trắc ẩn của con người.**2. Dịch giả Phan Huy Ích**- Phan Huy Ích (1750 – [1822](https://vi.wikipedia.org/wiki/1822)), quê ở làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc, nay thuộc Hà Tĩnh. - Ông làm quan dưới thời Chúa Trịnh- Vua Lê.- Tác phẩm hiện còn: bản dịch *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn; ngoài ra còn các tác phẩm *Dụ Am thi văn tập*, *Dụ Am ngâm lục***3. Tác phẩm *Chinh phụ ngâm****\** **Hoàn cảnh ra đời**: - Đầu đời vua Lê Hiển Tông có nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra quanh kinh thành. Triều đình cất quân đánh dẹp. - Đặng Trần Côn “cảm thời thế mà làm ra”.\* **Thể loại – thể thơ:**- Thể loại: ngâm khúc***Ngâm khúc***: Là một thể loại thường dùng thể thơ song thất lục bát, viết về những nỗi niềm tâm sự, những xúc cảm sầu muộn, ai oán, xót thương.**\* Nội dung:** - Gồm 478 câu thơ, viết bằng chữ Hán theo thể trường đoản cú; - Kể về dòng tâm trạng, hoàn cảnh của người thiếu phụ có chồng đi đánh giặc xa chưa về, thể hiện nỗi chán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa và nỗi khao khát tình yêu hạnh phúc lứa đôi của con người.\* Bản diễn Nôm hiện hành: Gồm 408 câu thơ, theo thể song thất lục bát. |
| **NV2: Tìm hiểu về đoạn trích *“Nỗi nhớ thương của người chinh phụ”*****Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**- GV hướng dẫn HS cách đọc VB: đọc với giọng đọc chậm rãi, nhẹ nhàng, ngắt nhịp theo cảm xúc của các nhân vật trữ tình.- Chú ý các điển cố, điển tích.- GV mời 1 HS đọc diễn cảm đoạn trích; các HS khác nhận xét.- GV nhắc HS sử dụng chiến lược đọc trong các thẻ chỉ dẫn: *theo dõi, hình dung.*- Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích ở chân trang.- Xác định vị trí của đoạn trích. Nhân vật trữ tình trong đoạn trích là ai?**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**- HS đọc VB.- GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.*- Nêu vị trí của văn bản trong tác phẩm và chỉ ra nhân vật trữ tình trong đoạn trích.**- Hãy xác định bố cục và mạch cảm xúc của văn bản***Bước 3. Báo cáo, thảo luận**- Đại diện 1 số HS đọc VB.**Bước 4. Đánh giá, kết luận**. | **4. Đoạn trích *“Nỗi nhớ thương của người chinh phụ”*****a. Đọc** - Đọc - Tìm hiểu chú thích, từ khó hiểu.HS chú ý cách hiểu đúng 2 từ ngữ: *chinh phu – chinh phụ*.+ *chinh phu:* người chồng đi ra trận, đi chinh chiến nơi xa+ *chinh phụ*: người vợ lính, người vợ có chồng ra trận.**b. Vị trí** - Vị trí: gồm 28 câu thơ, từ câu 125 đến câu 152- Nhân vật trữ tình: Người chinh phụ**c. Bố cục và mạch cảm xúc****- Bố cục:** 2 phần- **Phần 1:** **16 dòng đầu** (từ dòng 125 đến dòng 140): Nỗi thất vọng của người chinh phụ vì sự sai hẹn của người chồng từ buổi ra đi (sai hẹn cả thời gian gặp gỡ và địa điểm gặp gỡ)**- Phần 2: 12 dòng cuối** (từ dòng 141 đến dòng 152): Nỗi nhớ thương, mong ngóng xen lẫn trách hờn của người chinh phụ dành cho chồng- **Mạch cảm xúc:** Đoạn trích là lời độc thoại của nhân vật người chinh phụ. Mạch cảm xúc được diễn tả từ nỗi thất vọng của người chinh phụ đến nỗi nhớ thương, mong ngóng của người chinh phụ dành cho chồng. |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 02:** |
| **NV1. Tìm hiểu một số đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong đoạn trích** |
| **Đặc điểm** | **Câu hỏi** | **Câu trả lời của HS** |
| **1. Số khổ thơ/ Số tiếng**  | Nhận xét về số khổ thơ trong văn bản, số tiếng của các dòng thơ. | ................ |
| **2. Vần** | Chỉ ra cách hiệp vần của các dòng thơ trong VB? Lấy ví dụ ở khổ thơ đầu | ................ |
| **3. Ngắt nhịp** | Khi đọc, chúng ta nên ngắt nhịp như thế nào cho phù hợp? Lấy ví dụ? | ................ |
| **Phiếu học tập 03:****Tìm hiểu nỗi thất vọng của người chinh phụ**  |
| **\*Trạm 1: Nỗi thất vọng** **Đọc 16 câu thơ đầu: *Thuở lâm hành oanh chưa bén liễu....Bãi hôm tuôn dẫy nước trào mênh mông.****- Liệt kê những từ ngữ, hình ảnh cho biết lời hẹn lúc ra đi của người chinh phu và hoàn cảnh thực tế thông qua lời của người chinh phụ.**- Theo em, các từ ngữ, hình ảnh chỉ thời gian và địa điểm gặp gỡ có vai trò gì trong việc bộc lộ tình cảm của người chinh phụ?***Trả lời:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Lời hẹn của người chinh phu** | **Hoàn cảnh thực tế** | **Nhận xét về nghệ thuật**  | **Vai trò/ tác dụng** |
| **Ngày gặp gỡ** | **................** | **................** | **...............** | **.................****...............****................** |
| **Nơi gặp gỡ** | **.............** | **..................** | **.............** |

 |
|  |

**Phiếu học tập 04:**

**Tìm hiểu nỗi nhớ mong của người chinh phụ**

**\*Trạm 2: Nỗi nhớ thương, xót xa**

 **Đọc 12 câu thơ cuối: “*Tin thường lại người không thấy lại .... Xót người nương chốn Hoàng Hoa dặm dài.”***

|  |  |
| --- | --- |
| Tâm trạng của người chinh phụ được khắc họa qua hành động và tâm trạng gì?- Chỉ ra các hình ảnh thiên nhiên và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ được sử dụng trong dòng thơ 141 đến 148 | .................................................................................... |
| - Bốn dòng thơ cuối đoạn trích đã diễn tả nỗi lòng của người chinh phụ qua từ ngữ nào? Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nổi bật ở bốn câu thơ này. | ............................. |
| Tâm trạng của người chinh phụ ở 12 câu cuối có gì khác so với đoạn trước đó? | ........................................................... |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập 05:****Tìm hiểu một số nét đặc sắc về nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật** |
| **1. Biện pháp tu từ** | Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nổi bật nào? Lấy một số ví dụ và phân tích tác dụng của việc sử dụng những biện pháp tu từ trong các trường hợp đó. | ........................ |
| **2. Hình ảnh, từ ngữ** | Chỉ ra và nêu ý nghĩa của những hình ảnh ước lệ, tượng trưng trong đoạn trích. | ........................ |
| **3. Miêu tả nội tâm nhân vật** | Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật ở đoạn trích có gì đặc sắc? | ........................ |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NV1: Hướng dẫn HS tìm hiểu một số đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong đoạn trích****\*THẢO LUẬN THEO CẶP****Bước 1:**  **Chuyển giao nhiệm vụ**1-2 cặp trả lời câu hỏi số 1 SGK thông qua phiếu học tập số 02: GV hướng dẫn HS nhận biết và phân tích được một số đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong đoạn trích: như: số tiếng của mỗi dòng, cách gieo vần, ngắt nhịp.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** **-** Tổ chức cho HS thảo luận theo cặp.- GV quan sát, khích lệ HS.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - GV gọi đại diện 1 vài cặp trả lời.- HS nhận xét lẫn nhau.**Bước 4: Kết luận, nhận định**GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức. | **III. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI****1. Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong đoạn trích**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Số khổ thơ/ Số tiếng trong mỗi khổ** | - VB có 7 khổ thơ- Mỗi khổ thơ gồm cặp song thất (bảy tiếng) và cặp lục bát (sáu –tám tiếng) |
| **2. Vần** | - Tiếng cuối của dòng thất đầu tiên hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất tiếp theo (vần trắc). - Tiếng cuối của dòng thất tiếp theo hiệp vần với tiếng cuối của dòng lục (vần bằng). - Tiếng cuối của dòng lục hiệp vần với tiếng thứ sáu của dòng bát (vần bằng). - Tiếng cuối của dòng bát hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất kế đó (vần bằng) và cứ thế tiếp tục.Ví dụ:*Thuở lâm hành oanh chưa bén* ***liễu*** *(T),**Hỏi ngày về ước* ***nẻo*** *(T) quyên* ***ca*** *(B).* *Nay quyên đã giục oanh* ***già*** *(B),**Ý nhi lại gáy trước* ***nhà*** *(B) líu* ***lo*** *(B).**Thuở đăng đồ mai* ***chưa*** *(B) dạn gió,* |
| **3. Ngắt nhịp** | Hai dòng thất được ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4; dòng lục và dòng bát ngắt nhịp linh hoạt hơn (dòng lục thường ngắt nhịp 2/2/2, dòng bát thường ngắt nhịp 2/2/2/2).Ví dụ:*Thuở lâm hành/ oanh chưa bén* ***liễu****,**Hỏi ngày về/ ước* ***nẻo*** *quyên* ***ca****.**Nay quyên/ đã giục/ oanh* ***già****,**Ý nhi/ lại gáy/ trước* ***nhà****/ líu* ***lo****.* |

 |
| **NV2: Hướng dẫn HS tìm hiểu tâm trạng của người chinh phụ trong đoạn trích****Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ*** GV chia lớp thành 04 nhóm.

- Các nhóm sẽ thảo luận trong thời gian tối đa **14 phút** để lần lượt hoàn thành **PHT số 3, số 04** theo từng trạm: Tìm hiểu tâm trạng của người chinh phụ trong trong đoạn trích+ **Trạm 1: Nỗi thất vọng****+ Trạm 2: Nỗi nhớ thương, xót xa**- Trong từng trạm, mỗi nhóm phải hoàn thành PHT tương ứng. Hoàn thành xong PHT của trạm 1, nhóm sẽ nộp sản phẩm PHT cho GV để lấy PHT trạm 2. **- Yêu cầu:** Tất cả các thành viên cùng thảo luận PHT ở từng trạm; chỉ khi tất cả các thành viên đều nắm được kiến thức ở từng trạm thì mới chuyển sang PHT trạm tiếp theo.**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận theo nhóm, lần lượt hoàn thành các PHT trong từng trạm để hoàn thành **PHT số 03, PHT số 04** - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi ngẫu nhiên thành viên bất kì của các nhóm trình bày sản phẩm:+ **Nhóm 1**: trình bày sản phẩm trạm 1**+ Nhóm 2** phản biện, đặt câu hỏi.+ **Nhóm 3**: trình bày sản phẩm trạm 2**+ Nhóm 4** phản biện, đặt câu hỏi.- Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.**Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức. | **2. Tâm trạng của người chinh phụ trong đoạn trích****2.1. Nỗi thất vọng của người chinh phụ trước sự sai hẹn của người chồng từ buổi ra đi – 16 câu đầu****\* 8 câu đầu: Nỗi thất vọng trước sự sai hẹn về thời gian****- Bốn câu đầu:****+ Lời hẹn của người chinh phu:** Người chinh phu lên đường ra trận vào cuối mùa đông và hẹn mùa hè sẽ về: lúc lên đường thì “*oanh chưa bén liễu”* - ý nói là chưa đến mùa xuân vì oanh chưa đến bên cây liễu hót; hẹn ngày về “*ước nẻo quyên ca*” – ý nói khoảng mùa hè vì chim thương kêu vào mùa hè.**+ Hoàn cảnh thực tế:** sang đến cả mùa thu mà người chồng vẫn không thấy trở về “*ý nhi lại gáy*” – ý nói là mùa thu vì chim én hay hót vào tiết thu.**- Bốn câu sau:** + **Lời hẹn của người chinh phu:** Người chinh phu lên đường chưa đến mùa xuân, hẹn mùa xuân năm sau sẽ về (*mai chưa dạn gió -* ý nói chưa đến mùa xuân; *độ đào bông* - ý nói vào khoảng mùa xuân;**+ Hoàn cảnh thực tế:** nhưng rồi sang mùa đông, đến mùa hè mà người chinh phụ vẫn chưa người chinh phu quay về (*tuyết mai* - ý nói đã sang mùa đông; *phù dung* – cây sen, ý nói là mùa hè).**-> Mượn từ ngữ, hình ảnh chỉ thời gian (nghệ thuật ước lệ tượng trưng); cùng cách nói lặp lại (có tới hai lời hẹn ở hai mùa)****\* 8 câu sau: Nỗi thất vọng trước sự lỗi hẹn về nơi gặp gỡ:****-**  **Lời hẹn của người chinh phu:****+ Mượn các điển tích chỉ vị trí người chồng hẹn với người chinh phụ:** núi Lũng Tây và cầu Hán Dương. Cũng lại một người hẹn một người mà có tơi hai nơi. Hai nơi cách xa nhau đến hàng ngàn dặm: Lũng Tây nham ở tỉnh Thiểm Tây, cầu Hàm Dương ở tỉnh Hồ Bắc**.** **- Hoàn cảnh thực tế:** **+ “***nào thấy hơi tăm”, “nào có tiêu hao***”****+** từ ngữ diễn tả không gian: mênh mông, trập trùng của núi cao, của sóng nước, đối lập với hình ảnh cô đơn người chinh phụ. Tái hiện hình ảnh người chinh phụ đã sớm, chiều lên núi Lũng Tây hay xuống cầu Hàm Dương đón chàng chinh chiến trở về**- Vai trò trong việc thể hiện tâm trạng của người chinh phụ:****+** Từ ngữ, hình ảnh chỉ thời gian chuyển động tuần hoàn, địa điểm lạnh lẽo thê lươngđã **góp phần khắc họa nỗi ngóng trông, chờ đợi, nhớ thương của người chinh phụ.** + **Tô đậm tâm trạng đau khổ, thất vọng nặng nề của nàng** khi những ước hẹn của người chồng và hoàn cảnh thực tế hoàn toàn sai biệt.**2.2. Nỗi nhớ thương, xót xa của người chinh phụ dành cho chồng- 12 câu cuối****\* 8 câu đầu: Tâm trạng người chinh phụ khi ngóng tin, thư của chồng:**- Tác giả dùng cách hình ảnh thiên nhiên:+ *Hoa dương tàn- rêu xanh; rêu xanh*+ *bóng dương- bóng dương*->Các điệp ngữ có tác dụng:+ Nhấn mạnh và khắc họa sâu sắc bước đi của thời gian: hoa nở rồi hoa tàn, rêu xanh mọc rồi phong kín từng chồng từng lớp, bức rèm dãi bóng mặt trời, mặt trời mọc rồi mặt trời lặn …+ Tình cảnh và tâm trạng của người chinh phụ: nàng cảm nhận được bước đi của thời gian qua các hình ảnh thiên nhiên khi chúng xuất hiện rồi lại mất đi, mất đi rồi lại xuất hiện. Thiên nhiên quay vòng, tiếp diễn với nhau tựa như một vòng tròn bất tận.Trong cái vòng tuần hoàn ấy người chinh phụ càng ngóng đợi tin, thư thì càng mất hút: “*Tin gởi đi người không thấy lại”, “Thư thường tới người chưa thấy tới”.***\* 4 câu thơ cuối: Tâm trạng người chinh phụ** + Hành động: tính đếm từng ngày chồng đi để mà lo lắng, xót thương cho chồng ở nơi xa. Ba năm rồi (*Tiền sen này đã nẩy là ba*) nhưng vẫn chẳng thấy bóng dáng tin tức chồng đâu.+ Điệp ngữ “*xót người*” với các các từ ngữ chỉ không gian, thời gian “*ải xa”, “nương chốn Hoàng Hoa dặm dài*” đã cho thấy một nỗi nhớ đang cồn cào, da diết và một nỗi xót thương lo lắng đến khắc khoải, đớn đau của người chinh phụ cho kiếp người đang phải xông pha nơi biên ải với biết bao hiểm nguy bởi mũi tên hòn đạn cùng cái lạnh giá khắc nghiệt của tiết trời.**\*Tâm trạng của người chinh phụ:** ở 16 câu đầu tâm trạng của người chinh phụ là nỗi thất vọng vì người chồng đã sai ước hẹn, tâm trạng mong ngóng, mỏi mòn. Đến 12 câu cuối, là tâm trạng mong ngóng, chờ đợi xen lẫn trách hờn, xót xa cho người chồng chinh chiến nơi “ải xa” |